

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TL  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 27 - 9 - 2024  
V/v "Tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đen
- Bà Võ Thị Kim Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 606/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1992.

Địa chỉ ĐKTT: ấp TT, xã TX A, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: ấp VB, xã NT, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp TT, xã TX A, huyện TL, TP. Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày: Bà và ông Lê Văn K thông qua mai mối đã tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2006, đến năm 2012 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng bà có 02 người con chung tên Lê Thị Hồng Th, sinh ngày 10/3/2007 và Lê Quốc Đ, sinh ngày 26/8/2015. Sau khi cưới nhau thì vợ chồng bà sống cùng cha mẹ chồng tại ấp TT, xã TX A, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông K nhiều lần đánh bà. Cách đây khoảng 02 tháng thì bà về nhà cha mẹ ruột tại Ấp VB, xã NT, huyện GR, tỉnh Kiên Giang sinh sống cho đến nay. Các con của bà vẫn sống cùng ông K. Thỉnh thoảng bà về thăm con và thường xuyên gọi điện thoại cho con. Cho đến thời điểm này bà cũng không đồng ý quay về đoàn tụ với ông K, vì bà không còn tình cảm với ông K. Vợ chồng bà không có tạo lập được tài sản và không có nợ ai. Bà yêu cầu được ly hôn với ông K, đồng ý giao con cho ông K nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con vì bà và ông K tự thỏa thuận. Không yêu cầu giải quyết về nợ chung và tài sản chung vì không có.

Bị đơn ông Lê Văn K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bé T.

Cháu Lê Thị Hồng Th và Lê Quốc Đ trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

*Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé T đối với ông Lê Văn K; giao cháu Lê Thị Hồng Th và Lê Quốc Đ cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con do

ông K không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn xác định không có nên đề nghị không xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bé T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn K có địa chỉ thường trú tại ấp TT, xã TX A, huyện TL, TP. Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé T và ông Lê Văn K chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa bà Bé T và ông K là tự nguyện và hợp pháp. Bà Bé T xác định vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và đã không còn quan tâm lẫn nhau. Đến thời điểm khởi kiện thì bà không còn tình cảm với ông K và không còn chung sống với ông K. Những lần Tòa án triệu tập hòa giải ông K có đến nhưng không đồng ý cung cấp lời trình bày và các lần Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm ông K đều vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Bé T hiện nay đã về nhà mẹ ruột sinh sống, bà kiên quyết ly hôn, không đồng ý quay về đoàn tụ với ông K cho dù Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà. Điều đó thể hiện bản thân bà Bé T đã thật sự không còn yêu thương ông K, không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân, ông K cũng bỏ mặc, không thiết tha hàn gắn. Đủ căn cứ xác định đời sống hôn nhân giữa bà Bé T và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bé T đối với ông K.

[3] Về con chung: Bà Bé T và ông K có 02 người con chung tên Lê Thị Hồng Th, sinh ngày 10/3/2007 và Lê Quốc Đ, sinh ngày 26/8/2015. Hiện nay

cháu Th và cháu Đ sống cùng ông K và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông K, bà T cũng thống nhất với nguyện vọng của cháu Th và Đ. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông K không có yêu cầu tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, nhằm ổn định môi trường sống của cháu Th, cháu Đ và đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của các cháu và tôn trọng nguyện vọng chính đáng của cháu Th và Đ, cần tiếp tục giao cháu Th và Đ cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Bé T có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K không yêu cầu bà Bé T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bé T xác định không có tài sản chung và nợ chung và ông K cũng không có ý kiến trình bày liên quan đến tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Bé T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé T đối với ông Lê Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu tên Lê Thị Hồng Th, sinh ngày 10/3/2007 và Lê Quốc Đ, sinh ngày 26/8/2015 cho ông Lê Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Bé T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Liên đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004268 ngày 05/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TANDTPCT;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Ngọc Diễm**